

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét Báo cáo thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ, sản xuất viên nén gỗ số 209/BC-HĐTĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Chế biến gỗ Mai Lâm Yên Bái tại Văn bản số 02/CV-ML ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ, sản xuất viên nén gỗ và hồ sơ đã chỉnh sửa kèm theo Văn bản số 08/CV-MT ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 301/TTr-STNMT ngày 05 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Chế biến gỗ Mai Lâm Yên Bái được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ, sản xuất viên nén gỗ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ, sản xuất viên nén gỗ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu Công nghiệp Minh Quân, tỉnh Yên Bái.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 736/QĐ-BQLCKCN ngày 22/7/2022 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Công ty TNHH Chế biến gỗ Mai Lâm Yên Bái thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ, sản xuất viên nén gỗ tại Khu công nghiệp Minh Quân, tỉnh Yên Bái.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ gỗ nội thất, sản xuất viên nén gỗ đạt tiêu chuẩn xuất khẩu làm nhiên liệu đốt.

1.5. Quy mô của dự án: Diện tích đất dự kiến sử dụng: 52.304,8 m²; công suất thiết kế: Sản xuất đồ gỗ nội thất: 5.000 tấn/năm, sản phẩm viên nén nhiên liệu: 100.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ đầu tư và đơn vị quản lý, vận hành dự án

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư và đơn vị quản lý, vận hành dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải

dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.


2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Quân, huyện Trấn Yên; Giám đốc Công ty TNHH chế biến gỗ Mai Lâm Yên Bái và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm HHDTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1267/GPMT-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt giai đoạn nhà máy đi vào hoạt động phát sinh khoảng 10 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật,...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Điểm tiếp nhận nước thải sinh hoạt của dự án là sông Hồng, đoạn chảy qua khu vực gần dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải sinh hoạt: Điểm xả thải tại sông Hồng, khu vực phía Đông của dự án. Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2395546.5797; Y = 518974.7982 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất là 10 m³/ngày đêm, tương đương 0,42 m³/giờ.

- Phương thức xả nước thải: Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Chảy gián đoạn.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (Hệ số K = 1,2), với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN14:2008/BTNMT (cột B) hệ số K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	mg/l	5-9	6 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	60	
3	TSS	mg/l	120	
4	TDS	mg/l	1.200	

5	Sunfua	mg/l	4,8
6	Amoni(N)	mg/l	12
7	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1. Giai đoạn thi công

1.1. Nước thải sinh hoạt: Bố trí 04 nhà vệ sinh di động gồm 02 buồng vệ sinh, kích thước: dài x rộng x cao = 2,05 m x 1,45 m x 2,85 m, vật liệu chế tạo là composite. Vách ngăn 2 lớp, hai mặt lán cách nhiệt; bồn chứa nước 500 lít; hầm tự hoại 3 ngăn lọc cỡ lớn 1.600 lít đặt gần khu vực lán trại của dự án. Thuê đơn vị có chức năng để định kỳ hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

1.2. Nước thải thi công: Bố trí hố lắng sơ bộ 02 ngăn (kích thước mỗi ngăn là 3 m x 2 m x 1 m) để lắng. Sau bể lắng hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy sau đó dẫn vào vào hệ thống rãnh thoát nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án rồi được dẫn ra sông Hồng, khu vực phía Đông dự án.

1.3. Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Bố trí xây dựng hệ thống rãnh thoát nước bao quanh dự án khi bắt đầu triển khai thi công xây dựng, rãnh có kích thước rộng 300 mm và sâu 300 mm bao quanh khu vực dự án. Rãnh thoát nước được thiết kế dạng hở, kích thước chiều rộng x sâu = 0,3 m x 0,3 m dẫn về bể lắng 2 ngăn được bố trí tại phía cuối dự án, kích thước dài x rộng x cao = 2 m x 1 m x 1 m. Nước mưa chảy tràn sau khi được lắng sơ bộ qua hố ga sẽ được thoát ra sông Hồng, khu vực phía Đông dự án.

2. Giai đoạn hoạt động

2.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử nước thải

a) Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn (bố trí 2 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích là 20 m³/bể) được dẫn qua ống PVC 110 mm, tổng chiều dài 580 m về công trình xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 10 m³/ngày đêm. Nước thải sau công trình xử lý nước thải tập trung theo đường ống PVC 110 mm thoát ra sông Hồng (sau ống xả thải từ Trạm xử lý nước thải).

Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Thiết bị	Kích thước (Dài x rộng x sâu) m	Đơn vị	Số lượng
1	Bể tự hoại 03 ngăn	3,75 x 2,14 x 2,5	BỂ	02
2	Bể tách mỡ (nước thải nhà bếp)	1,14 x 0,98 x 1,8	BỂ	01
3	Bể thu gom	1,14 x 0,98 x 1,8	BỂ	01
4	Bể điều hoà	2,06 x 0,8 x 1,8	BỂ	01
5	Bể selector	1,140 x 0,98 x 1,8	BỂ	01
6	Bể SBR	2,06 x 1,34 x 1,8	BỂ	01
7	Ngăn khử trùng+ nước sạch	0,98 x 0,7x 1,8	BỂ	01

b) Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Bố trí xây dựng hệ thống rãnh thoát nước bao quanh dự án. Rãnh thoát nước được thiết kế dạng hở, hình vuông, kích thước chiều rộng x sâu = 0,3 x 0,3 (m), tổng chiều dài khoảng 580m dẫn về bể lắng 2 ngăn được bố trí tại phía cuối dự án trước khi chảy ra sông Hồng khu vực gần dự án, kích thước dài x rộng x cao = 2 m x 1 m x 1 m.

2.2. Quy trình công nghệ xử lý

a) Nước thải sinh hoạt

- Quy trình xử lý: Nước thải từ bồn cầu, chậu tiểu theo đường ống dẫn thu gom về các bể tự hoại 03 ngăn theo cơ chế tự chảy. Nước thải nhà bếp theo đường ống thu gom về bể tách mỡ để tách dầu mỡ. Nước thải sau bể tự hoại, nước thải sau bể tách mỡ và nước thải từ quá trình tắm, giặt, rửa theo đường ống chảy về bể thu gom nước thải của công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Sau đó nước thải được bơm lên bể điều hòa, rồi được bơm lên bể Selector (*bể xử lý sinh học thiếu khí*), sau đó chảy tràn sang bể SBR (*bể xử lý sinh học kết hợp thiếu khí-hiếu khí*) rồi được dẫn sang bể khử trùng trước khi theo đường ống thoát nước thải chảy ra sông Hồng.

- Hóa chất sử dụng: Clo viên nén.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, hệ số K=1,2.

b) Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hệ thống rãnh thoát nước và lắng qua các hố ga trước khi thải ra môi trường như đã nêu tại tiêu mục 2.1. phần này.

2.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải tránh gây tắc nghẽn, ứ đọng.

- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình vận hành hệ thống xử lý chất thải, ứng phó kịp thời với các trường hợp quá tải.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng ngay hoạt động phát sinh nước thải để đảm bảo không có nước thải về công trình xử lý; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường. Khi khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động.

II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM

1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ khi dự án đã hoàn thành xây dựng các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường được cấp.

2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (*theo vị trí xả thải tại Mục A Phụ lục này*).

2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt:

2.3. Tần suất lấy mẫu: Lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

III. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trong giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt đảm bảo các quy định hiện hành trước khi chảy ra khỏi khu vực thực hiện dự án.

2. Trong giai đoạn hoạt động

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

PHỤ LỤC 02:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~1267~~/GPMT-UBND ngày ~~14~~ tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI

I. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Bụi phát sinh từ quá trình cắt, chà, nghiền mùn cưa... trên khu vực chế biến sản phẩm; Hơi dung môi hữu cơ từ quá trình sơn sản phẩm gỗ nội thất.

II. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải

1. Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói số 01 của hệ thống xử lý bụi, khí thải lọc bụi túi vải của nguồn số 01, tọa độ vị trí xả thải $X = 2395511.82$; $Y = 518525.39$.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 30.000 m³/giờ

- Phương thức xả bụi, khí thải: Xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,9; Kv = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	01 năm/lần

2. Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói số 02 của hệ thống xử lý khí thải hơi sơn của nguồn số 02, tọa độ vị trí xả thải $X = 2395515.69$; $Y = 518532.88$.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 43.200 m³/giờ

- Phương thức xả bụi, khí thải: Xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,9; Kv = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
-----	----------	--------	--	----------------------------

1	Benzen	mg/Nm ³	5	06 tháng/lần
2	Toluen	mg/Nm ³	750	06 tháng/lần
3	Styren	mg/Nm ³	100	06 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

I. Biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công

1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi

- Giảm lượng bụi trong thi công: áp dụng các biện pháp giảm lượng bụi đến mức thấp nhất như tưới ẩm, làm dứt điểm từng hạng mục; thực hiện tốt việc quản lý công tác xây dựng và giám sát công trường.

- Các xe chở vật liệu cũng như chất thải đảm bảo chở đúng danh định và tải trọng quy định; các phương tiện được kiểm tra định kỳ về nồng độ chất thải mới được phép lưu thông và vận hành trong công trường. Trong quá trình chở vật liệu được phủ bạt kín khít, thùng xe không coi nói, để không làm rơi vãi vật liệu ra đường giao thông, phát tán bụi ra môi trường.

- Không bố trí thời gian vận chuyển vào giờ cao điểm; hạn chế hoạt động thi công công trình trước 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều.

- Làm sạch phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, đất đá thải trước khi ra khỏi công trường.

- Xây dựng lán trại, khu tập kết vật tư, chất dễ cháy nổ một cách hợp lý.

- Không thải dầu mỡ, hóa chất trong quá trình bảo dưỡng, vệ sinh phương tiện thi công trong công trường.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (*khẩu trang, kính, mũ...*) cho công nhân làm việc tại các vị trí như: cắt sắt, hàn xì, lắp dựng cột thép và mái che.

- Tưới nước giảm bụi 2 lần/ngày vào những ngày nắng tại khu vực xe vận chuyển đi qua, đặc biệt là tuyến đường nằm tiếp giáp dự án.

- Bố trí đội vệ sinh trên công trường có nhiệm vụ thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường.

2. Giảm thiểu ô nhiễm khí thải

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn về khí thải đảm bảo môi trường, an toàn kỹ thuật về mức độ an toàn theo quy định của Cục Đăng kiểm.

- Tiến hành kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

- Điều tiết số lượng xe phù hợp với thời gian và tiến độ công việc để tránh làm gia tăng mật độ xe hoạt động trên công trường.

II. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải giai đoạn hoạt động

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

Hệ thống xử lý Bụi phát sinh từ khu vực sản xuất đồ gỗ nội thất và khu vực nghiền sản xuất viên nén

- Bụi phát sinh từ 02 máy mài viên, 02 máy cắt viên, 02 máy cưa gỗ, 02 máy mài mặt, 02 máy tạo hình đục lỗ và 02 máy nghiền tại xưởng sản xuất đồ gỗ và máy băm gỗ, máy nghiền gỗ tại xưởng sản xuất viên nén được thu gom bằng các chụp hút được tích hợp, đồng bộ với dây chuyền, thiết bị sản xuất tại các vị trí phát sinh bụi, đảm bảo thu gom toàn bộ lượng bụi phát sinh. Bụi gỗ phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý khí thải lọc bụi túi vải.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống như sau:

+ Kích thước: Dài x rộng x cao = 3,2 m x 3 m x 12,5 m.

+ Lưu lượng xử lý: 30.000 m³/giờ.

+ Số lượng túi lọc bụi: 140 túi vải (*đường kính túi 0.11 m, dài 1,5 m*).

2. Hệ thống xử lý hơi VOCs phát sinh từ dây chuyền sơn UV tự động tại xưởng sản xuất gỗ nội thất

- Hơi sơn phát sinh từ dây chuyền sơn UV tự động được lắp đặt tại xưởng sản xuất đồ gỗ nội thất sẽ được lắp đặt các chụp hút và theo đường ống về hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp phụ than hoạt tính. Khí sạch sau xử lý sẽ được xả ra ngoài.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống như sau:

+ Tháp hấp thụ có: Đường kính 2m; chiều cao 3m; vật liệu sử dụng là thép CT3.

+ Than hoạt tính được chia thành 07 lớp, mỗi lớp dày 05 cm.

+ Lưu lượng xử lý: 43.200 m³/giờ.

3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hệ thống đường ống thu gom bụi, khí thải từ khu vực phát sinh đến công trình xử lý để kịp thời phát hiện, sửa chữa và khắc phục các điểm hư hỏng gây rò rỉ bụi, khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hệ thống xử lý để đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả.

- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình điều hành hệ thống xử lý bụi, khí thải, ứng phó kịp thời với các trường hợp quá tải.

- Khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động phát sinh bụi, khí thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời. Sau khi khắc phục sự cố, vận hành thử

lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động.

III. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường được cấp.

2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.1. Vị trí lấy mẫu

- Ống khói số 01 của hệ thống xử lý bụi, khí thải lọc bụi túi vải của nguồn số 01, tọa độ vị trí xả thải $X = 2395511.82$; $Y = 518525.39$.

- Ống khói số 02 của hệ thống xử lý khí thải hơi sơn của nguồn số 02, tọa độ vị trí xả thải $X = 2395515.69$; $Y = 518532.88$.

2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

3. Tần suất lấy mẫu: Lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

PHỤ LỤC 03:
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1267/GPMT-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong giai đoạn hoạt động, dự án sẽ phát sinh tiếng ồn từ các máy móc của dây chuyền sản xuất; phát sinh độ rung từ các máy móc của dây chuyền sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh: các máy móc của dây chuyền sản xuất, phương tiện ra vào và sinh hoạt của công nhân viên.

- Toạ độ khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

STT	Toạ độ	
	X	Y
1	2395502.42	518513.46
2	2395495.79	518507.36
3	2395487.50	518500.15
4	2395479.76	518488.50

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

I. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1. Giai đoạn thi công

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy

móc, thiết bị xây dựng.

- Tính toán, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất.

- Tất cả các phương tiện và máy móc phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng. Bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện định kỳ 3 tháng/lần trong thời gian thi công.

- Công nhân thi công tại công trường sẽ được trang bị loại bảo hộ lao động.

2. Giai đoạn hoạt động

- Bao che kín nhà xưởng sản xuất.

- Máy móc được lắp đặt đảm bảo nền móng vững chắc.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc để hoạt động tốt, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng,...

- Trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn như nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức ồn cao cho công nhân.

- Kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hiểm lao động thường xuyên của công nhân.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

II. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục I phụ lục này và theo quy chuẩn quốc gia về môi trường cho phép.

PHỤ LỤC 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~4267~~ GPMT-UBND ngày ~~14~~ tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

I. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1. Giai đoạn thi công

- Lượng rác thải sinh hoạt do cán bộ công nhân xây dựng thải ra trong là: 15 kg/ngày. Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là rau, thực phẩm thừa, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì,...

- Lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công do nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao xi măng, cốt thép, mảnh gỗ vụn, gạch vỡ... trung bình khoảng 0,83 tấn cho toàn thời gian thi công tương đương 4,6 kg/ngày; chất thải rắn từ hoạt động đào đắp công trình phải đổ thải là 128.083,86 m³.

- Chất thải nguy hại phát sinh trên công trường chủ yếu là: Dầu mẫu que hàn, dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ. Khối lượng chất thải nguy hại cho cả giai đoạn là: 13 x 6 = 48 (kg) tương đương 0,048 tấn.

Chung loại và khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn xây dựng

STT	Tên chất thải nguy hại	Khối lượng (kg)	Mã CTNH
1	Dầu mỡ thải	3,6	17 07 02
2	Thùng đựng sơn đã qua sử dụng	1,8	18 01 02
3	Giẻ lau dính dầu nhớt, thùng chứa dầu nhớt	1,8	18 02 01
4	Cọ quét sơn, cặn sơn thải bỏ	1	19 12 02
5	Que hàn thải bỏ	1,8	07 04 01
Tổng		10	

2. Giai đoạn hoạt động

Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, hộp chứa mực in, pin thải, giẻ lau dính dầu, các loại dầu mỡ thải,... với khối lượng trung bình khoảng 155 kg/năm, cụ thể như sau:

Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	10	08 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	5	16 01 06
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	20	18 01 02
6	Dầu động cơ hộp số bôi trơn thải	Lỏng	20	17 02 03
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	30	18 01 03
8	Các loại sáp mỡ thải	Rắn	10	17 07 04
Tổng			155	

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Gỗ vụn, sản phẩm lỗi từ quá trình cắt, tạo hình,... trong dây chuyền sản xuất ước tính phát sinh khoảng 85 tấn/năm tương đương 280 kg/ngày

+ Tạp chất gồm bùn đất, cát,... từ công đoạn sàng trong dây chuyền sản xuất viên nén 1,6 tấn/ngày

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa, giấy carton,... với khối lượng trung bình khoảng 90 kg/ngày.

II. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công: Tại khu vực công trường lắp đặt 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích khoảng 20 m², có biển cảnh báo kho chứa chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các chất thải nguy hại của công trường được lưu giữ tại khu lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, được phân loại và đựng trong thùng phuy chứa có nắp đậy kín, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động: Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 20 m² (kích thước: dài x rộng x cao = 4,4 m x 3,5 m x 3,5 m) tại khu vực sau nhà xưởng số 04. Khu lưu giữ có nền bê tông chống thấm, tường bao quanh, mái lợp bằng tôn. Chủ dự án có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Đất đá thải từ quá trình đào đắp: Đổ tại Lô đất CN-07, CN-08 thuộc Dự án nhà máy chế biến gỗ của công ty TNHH chế biến gỗ Phúc Lâm.

b) Giai đoạn hoạt động

- Đối với những loại chất thải có khả năng tái chế sẽ được bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Đối với các loại chất thải còn lại, chủ dự án sẽ bố trí 01 kho chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 40 m² để lưu chứa chất thải phát sinh. Kho chứa chất thải đảm bảo bê tông chống thấm, tường bao quanh, mái lợp bằng tôn.

3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công: Trên công trường bố trí 04 thùng rác nhựa có nắp đậy loại 240 lít có nắp đậy để chứa rác thải sinh hoạt của công nhân. Thu gom tập trung phân loại rác tái chế và rác không có khả năng tái chế. Rác không có khả năng tái chế sẽ chuyển đến điểm tập kết chung của dự án, định kỳ 1 lần/ngày thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để vận chuyển đi xử lý.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thu gom phân loại ngay tại nguồn.

- Tại khu vực văn phòng, nhà xưởng bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt. Số lượng 10 thùng loại 20 lít có nắp đậy. Định kỳ 1 lần/ngày thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để vận chuyển đi xử lý

B. PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

I. Giai đoạn thi công

1. Sự cố thiên tai

- Không thi công ngoài trời vào những ngày mưa giông, gió bão.

- Dọn dẹp công trường sạch sẽ sau mỗi ngày thi công và trước các thời điểm xảy ra mưa bão.

- Bố trí lực lượng ứng trực phòng chống thiên tai lũ lụt trên công trường thi công để giám sát, kịp thời phát hiện các thiệt hại, rủi ro, sự cố do mưa bão gây ra, tìm hướng khắc phục.

- Bố trí máy bơm trên công trường để bơm hút nước trong trường hợp mưa lớn làm ngập hố móng, không để xảy ra tình trạng ngập úng hố móng tạo thành các hố nước sâu trong công trường.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống đường thoát nước mặt của dự án.

2. Sự cố tai nạn lao động

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc thi công để ngăn ngừa tai nạn.

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật.

- Tạo hàng rào ngăn cách để tách biệt các khu vực nguy hiểm như: Trạm điện, các loại vật liệu dễ cháy, dễ nổ.

- Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của thiết bị trước khi đưa thiết bị vào hoạt động.

- Trang bị các loại thiết bị y tế sơ cứu tại công trường, hướng dẫn sơ cứu khi có sự cố tai nạn lao động xảy ra.

3. Sự cố tai nạn giao thông

- Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông.

- Tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường.

4. Sự cố rò rỉ dầu

- Các phuy chứa dầu, các phương tiện vận chuyển được kiểm tra an toàn theo quy định về vận chuyển và lưu chứa xăng dầu.

- Đối với dầu mỡ thải từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc được thu gom triệt để và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Sự cố cháy nổ

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Đầu tư các thiết bị phòng, chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường.

- Phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát, hệ thống ống phun nước,....

- Đối với các thiết bị điện trên công trường: Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện; kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn.

II. Giai đoạn hoạt động

1. Sự cố cháy nổ: Thực hiện đúng các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

2. Sự cố đối với công trình xử lý nước thải: Thực hiện việc phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải, bụi, khí thải như nêu tại Phụ lục 01 và 02 Tờ trình này.

PHỤ LỤC 05:
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~1267~~/GPMT-UBND ngày ~~14~~ tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được phê duyệt và các nội dung tại Giấy phép này; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thiết kế xây dựng của Dự án, bao gồm các công trình bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

2. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải, bụi, khí thải và các công trình xử lý nước thải, bụi, khí thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải, bụi, khí thải của dự án đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi ra ngoài môi trường.

4. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (*chất thải rắn, chất thải nguy hại, ...*) đảm bảo theo quy định.

5. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Lập và thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

7. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo.

8. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

9. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.